

TOÀ ÁN NHÂN DÂN  
HUYỆN CHỢ MỚI  
TỈNH AN GIANG

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 47/2024/HS-ST  
Ngày 21 tháng 6 năm 2024

NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CHỢ MỚI, TỈNH AN GIANG

**Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

**Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:** Ông Nguyễn Trung Kiên

**Các Hội thẩm nhân dân:** Ông Nguyễn Văn Trí và bà Hoàng Thị Thiện Lai.

**Thư ký phiên tòa:** Ông Hồ Nhựt Huy - Thư ký Toà án nhân dân huyện Chợ Mới, tỉnh An Giang

**Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Chợ Mới, tỉnh An Giang tham gia phiên tòa:** Bà Đoàn Thụy Thùy Trang - Kiểm sát viên

Ngày 21 tháng 6 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Chợ Mới, tỉnh An Giang, xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số: 53/2024/TLST-HS ngày 22 tháng 5 năm 2024, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử sơ thẩm số: 53/2024/QĐXXST- HS ngày 05 tháng 6 năm 2024, đối với bị cáo:

**Nguyễn Thị Trường A**, sinh năm 1980, tại huyện C, tỉnh An Giang; nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: khóm L, thị trấn C, huyện C, tỉnh An Giang; nghề nghiệp: nội trợ; trình độ văn hóa: Không biết chữ; dân tộc: Kinh; giới tính: Nữ; tôn giáo: Phật giáo; quốc tịch: Việt Nam; đảng, đoàn: Không; con ông **Nguyễn Duy X** và bà **Phan Thị Mỹ L**; chồng là **Trần Thanh V** và có 02 con; tiền án, tiền sự: Không; bị cáo tại ngoại (có mặt).

**Bị hại:** Ông **Lê Trâm H**, sinh ngày năm 1972; trú tại: khóm L, thị trấn C, huyện C, tỉnh An Giang (có mặt).

**Người làm chứng gồm các ông/bà:** **Trần Văn K**, **Trần Thanh V**, **Lê Thanh V1** và bà **Phạm Thị N** (tại phiên tòa ông **Trần Thanh V**, ông **Lê Thanh V1** và bà **N** có mặt, ông **K** vắng mặt).

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Khoảng 15 giờ ngày 09/10/2023, ông **Lê Trâm H** và **Trần Văn K1** uống rượu tại nhà của **H** tại khóm L, thị trấn C, huyện C, tỉnh An Giang, đến khoảng

16 giờ 30 cùng ngày, H thách thức K1 đi tiểu trước nhà bà Phạm Thị N thì cho K1 100.000 đồng, K1 đồng ý, bà N và chồng là Lê Thanh V1 nhìn thấy K1 đi tiểu nên đã xảy ra cự cãi với K1, khi này Nguyễn Thị Tường A1 và Trần Thanh V (chồng A1) nhà đối diện nghe sự việc nên ra xem và nói “Hai ông quậy hoài mấy tháng nay không cho ai nghỉ gì hết”, khi đó H đi lại chửi bới, thách thức “hai vợ chồng mày muốn gì tao chém chết mẹ mày luôn”, vừa nói xong H chạy về nhà lấy con dao yếm dài khoảng 40cm bằng kim loại, màu đen chạy đến trước nhà của A1 và V, khi thấy H cầm dao đến nhà và hăm chém, vợ chồng A1 cầm sẵn hung khí trên tay để phòng thân, V cầm đoạn sắt vuông hình trụ kích thước (76 x 2,5 x 2,6) cm, A1 cầm đoạn gỗ tròn (đường kính 4cm, dài 64,5cm) cầm trên tay phải trước nhà. Khi thấy H cầm dao chém về phía Trần Thanh V, V đưa cây sắt lên đỡ, nên dao không trúng người V, còn A1 cầm đoạn gỗ tròn đánh vào người Hùng, có 01 cái trúng vào đầu H làm chảy máu, V cũng giật được con dao trên tay H, nên A1 dừng không đánh H nữa, tức giận việc bị đánh H trở về nhà lấy 01 con dao khác định đánh nhau với A1 và V, nhưng được mọi người can ngăn, H được đưa đến Trung tâm y tế huyện C điều trị, sau đó chuyển qua Bệnh viện D điều trị đến ngày 11/10/2023 xuất viện, H yêu cầu xử lý hình sự đối với A1.

Tang vật thu giữ gồm: 01 đoạn ống kim loại hình trụ (bên trong rỗng) kích thước (76 x 2,5 x 2,6) cm; 01 đoạn gỗ hình trụ tròn đường kính 04cm, dài 64,5cm.

Kết quả khám nghiệm hiện trường, bản ảnh xem xét dấu vết trên thân thể, biên bản xem xét dấu vết trên thân thể và bản ảnh đã lưu giữ phù hợp với nội dung vụ án đã nêu trên.

Tại kết luận giám định tổn thương cơ thể trên người sống số 838/23/KLTTCT-TTPY ngày 02/12/2023 của Trung tâm pháp y tỉnh A đối với Lê Trâm H, kết luận:

1. Các kết quả chính: sẹo vùng giữa đỉnh, đứng dọc, kích thước (06 x 0.2) cm.

2. Kết luận: Xác định tỷ lệ phần trăm tổn thương cơ thể do thương tích gây nên của Lê Trâm H tại thời điểm giám định là 02%.

3. Kết luận khác: Cơ chế hình thành thương tích trên do vật tày gây nên.

Về trách nhiệm dân sự: Bị hại Lê Trâm H yêu cầu bồi thường dân sự số tiền 21.733.000 đồng.

Tại Cơ quan điều tra, bị cáo Nguyễn Thị Tường A khai nhận phù hợp với nội dung vụ án đã nêu trên.

Trần Văn B, Trần Văn V2, S, Trương Thanh H1 Tại Cáo trạng số: 47/CT-VKSCM ngày 21/5/2024, Viện kiểm sát nhân dân huyện Chợ Mới, tỉnh An Giang đã truy tố Nguyễn Thị Tường A về tội “Cố ý gây thương tích” theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 134 của Bộ luật Hình sự năm 2015, được sửa đổi, bổ sung năm 2017.

Tại phiên tòa sơ thẩm bị cáo **Nguyễn Thị Trường A1** vẫn khai nhận hành vi phạm tội của mình như nội dung Cáo trạng đã nêu trên, xin Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt, cho bị cáo được hưởng án treo, bị cáo tự nguyện bồi thường theo yêu cầu bồi thường của bị hại.

Bị hại ông **Lê Trầm H** khai không thực hiện hành vi dùng dao chém chồng bị cáo trước, mà sau khi bị đánh mới dùng dao chém chồng bị cáo, nhưng chồng bị cáo đỡ được nên không gây thương tích, nhưng tại phiên tòa lại xác định nội dung và diễn biến sự việc cũng như hành vi phạm tội, diễn biến, thời gian, hậu quả của hành vi phạm tội của bị cáo, cũng như việc ông **H** có hành vi chém chồng bị cáo, nhưng do chồng bị cáo đỡ được phù hợp với nội dung Cáo trạng nêu trên, cũng như kết luận điều tra của Cơ quan điều tra, vẫn tiếp tục yêu cầu bị hại phải bồi thường số tiền là 21.733.000 đồng, xác nhận bị cáo, gia đình bị cáo có đến nhà yêu cầu bồi thường, nhưng do số tiền bồi thường không đủ theo yêu cầu nên bị hại đề nghị xử lý tại Cơ quan có thẩm quyền, bị hại mong muốn nhận một lần với số tiền mà bị hại yêu cầu bị cáo phải bồi thường. Về hình phạt bị hại đề nghị Hội đồng xét xử giải quyết theo quy định pháp luật.

Người làm chứng có mặt trình bày lời khai phù hợp với nội dung Cáo trạng, người làm chứng vắng mặt nhưng quá trình điều tra đều khai nhận phù hợp với nội dung Cáo trạng đã nêu trên.

Đại diện Viện kiểm sát luận tội đối với bị cáo, giữ nguyên quyết định truy tố như Cáo trạng. Căn cứ vào tính chất, mức độ phạm tội, các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự và nhân thân của người phạm tội, đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng điểm a khoản 1 Điều 134; điểm i, s khoản 1 Điều 51; khoản 2 Điều 52; Điều 65 của Bộ luật Hình sự và đề nghị áp dụng thêm điểm b khoản 1 Điều 51 đối với bị cáo do bị cáo đã nộp một phần tiền bồi thường thiệt hại, xử phạt bị cáo **Nguyễn Thị Trường A** từ 06 tháng đến 09 tháng tù cho hưởng án treo. Áp dụng Điều 47 của Bộ luật Hình sự; Điều 106 của Bộ luật Tố tụng hình sự, tịch thu tiêu hủy 01 đoạn ống kim loại hình trụ (bên trong rỗng) kích thước (76 x 2,5 x 2,6) cm; 01 đoạn gỗ hình trụ tròn đường kính 04cm, dài 64,5cm đã thu giữ.

Bị cáo **Nguyễn Thị Trường A** không có tranh luận và bào chữa gì, chỉ xin Hội đồng xét xử xem xét cho bị cáo hưởng án treo.

Bị hại **Lê Trầm H** không có tranh luận về tội danh, hình phạt mà đại diện Viện kiểm sát đã luận tội đối với bị cáo.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về thủ tục tố tụng: Đối với hành vi, quyết định tố tụng của Điều tra viên và Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố, xét xử đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo và những người tham gia tố tụng khác không có ý kiến hoặc khiếu nại gì về hành vi, quyết định của người tiến hành tố tụng. Do

đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Điều tra viên và Kiểm sát viên đã thực hiện đều hợp pháp.

- Tại phiên tòa người làm chứng ông **K** vắng mặt. Xét thấy, sự vắng mặt của ông **K** không gây trở ngại đến việc xét xử của vụ án. Căn cứ Điều 293 của Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vụ án theo thủ tục chung.

[2] Về nội dung: Quá trình điều tra cũng như tại phiên tòa bị cáo đã khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình như nội dung Cáo trạng đã nêu trên. Lời khai nhận tội của bị cáo là phù hợp lời khai của bị hại tại phiên tòa như nêu trên và người làm chứng về thời gian, địa điểm, thủ đoạn, mục đích, động cơ phạm tội và hậu quả do tội phạm gây ra, cùng các tang vật đã thu giữ, các tài liệu chứng cứ khác được thu thập khách quan đúng pháp luật có trong hồ sơ vụ án. Do đó có đủ căn cứ để kết luận:

Khoảng 15 giờ ngày 09/10/2023, bị hại **Lê Trầm H** trong tình trạng say rượu, đã kiếm chuyện, chửi bới và cầm dao chém trước vào **Trần Thanh V** (chồng bị cáo), mặc dù Vũ tránh được không bị thương tích, nhưng khi thấy **V** bị chém bị cáo đã dùng đoạn cây gỗ (do bị cáo cầm sẵn) đánh vào người bị hại, trong đó có 01 nhát trúng vào vùng giữa đỉnh đầu là vùng nguy hiểm trên cơ thể bị hại, gây nên thương tích 02%.

Hành vi nêu trên của bị cáo **Nguyễn Thị Trường A** đã phạm tội “Cố ý gây thương tích”, tội phạm và hình phạt được quy định tại điểm a khoản 1 Điều 134 của Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi bổ sung năm 2017 có khung hình phạt cải tạo không giam giữ đến 03 năm hoặc phạt tù từ 06 tháng đến 03 năm (tội phạm ít trọng).

[3] Hành vi phạm tội của bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, xâm phạm đến sức khỏe của con người; đến quyền tự do thân thể của công dân được pháp luật bảo vệ, gây mất trật tự trị an và an toàn cho xã hội.

[4] Xét tính chất, mức độ nghiêm trọng của tội phạm, các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự và nhân thân của người phạm tội, Hội đồng xét xử nhận thấy:

Bị cáo **Nguyễn Thị Trường A** là người đã thành niên, bản thân có sức khỏe nhưng không chịu tu dưỡng, rèn luyện để làm ăn chân chính và hướng thiện. Trong vụ án này, hành vi của bị cáo được thực hiện do bị kích động, do có một phần lỗi của bị hại, dẫn tới hậu quả gây thương tích cho bị hại.

Về tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự: Bị cáo không phải chịu tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự nào.

Về tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Tại Cơ quan điều tra cũng như tại phiên tòa bị cáo đã thành khẩn khai báo và thực sự ăn năn hối cải, phạm tội lần đầu và thuộc trường hợp ít nghiêm trọng, bị cáo không biết chữ nên nhận thức pháp luật có phần hạn chế; sau khi phạm tội bị cáo tự nguyện bồi thường theo yêu cầu của bị hại, nhưng do bị hại yêu cầu trả một lần, do bị cáo không có khả năng trả một lần cho bị hại nên chưa thực hiện bồi thường, nhưng trong giai

đoạn chuẩn bị xét xử, bị cáo đã khắc phục một phần tiền bồi thường với số tiền 2.000.000 đồng, nộp tại Cơ quan Thi hành án dân sự **huyện C**, có điều kiện hoàn cảnh kinh tế khó khăn. Đây là các tình tiết để giảm nhẹ trách nhiệm hình sự theo quy định tại điểm b, điểm i, điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51 của Bộ luật Hình sự.

Xét thấy: Bị cáo trước khi phạm tội là người có nhân thân tốt, trong vụ án này bị cáo do để bảo vệ chồng mình do bị hại đánh mà dùng khúc gỗ là hung khí nguy hiểm gây nên thương tích cho bị hại, việc bị cáo phạm tội cũng là một phần lỗi của bị hại, do bị ức chế về mặt tâm lý khi phạm tội, bị cáo được áp dụng nhiều tình tiết giảm nhẹ mà không phải chịu tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự nào, bị cáo có nơi cư trú rõ ràng, chấp hành tốt yêu cầu triệu tập của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Xét thấy, nếu không bắt bị cáo phải chấp hành hình phạt tù thì không gây nguy hiểm cho xã hội, không ảnh hưởng xấu đến công cuộc đấu tranh phòng chống tội phạm nói chung, cần chấp nhận đề nghị của đại diện Viện kiểm sát tại phiên tòa để cho bị cáo được cải tạo tại địa phương. Đây là cơ hội để bị cáo phấn đấu sửa chữa lỗi lầm.

[5] Về trách nhiệm dân sự: Bị hại ông **Lê Trầm H** yêu cầu bị cáo bồi thường số tiền 21.733.000 đồng, bị cáo đồng ý với yêu cầu bồi thường của bị hại, do đó theo các Điều 584, 585, 590 Bộ luật dân sự; Điều 48 Bộ luật hình sự, bị cáo phải có nghĩa vụ bồi thường cho ông **Lê Trầm H** số tiền 21.733.000 đồng. Bị cáo đã tự nguyện bồi thường số tiền 2.000.000 đồng theo biên lai thu số 0006222 ngày 05 tháng 6 năm 2024 của Chi cục Thi hành án Dân sự huyện Chợ Mới, sẽ được giữ lại để đảm bảo thi hành án. Bị cáo còn phải bồi thường tiếp cho ông **H** số tiền 19.733.000 đồng.

[6] Về vật chứng: 01 đoạn ống kim loại hình trụ, 01 đoạn gỗ hình trụ tròn đã thu giữ của bị cáo và của chồng bị cáo không còn giá trị sử dụng, nên tịch thu tiêu hủy.

[7] Về các vấn đề khác: Các bị cáo phải chịu án phí hình sự, dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

### **QUYẾT ĐỊNH:**

Tuyên bố bị cáo **Nguyễn Thị Trường A** phạm tội “Cố ý gây thương tích”.

Căn cứ điểm a khoản 1 Điều 134; điểm b, điểm i, điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51; khoản 1, khoản 2, khoản 5 Điều 65 của Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi, bổ sung năm 2017: Xử phạt bị cáo **Nguyễn Thị Trường A** 06 (Sáu) tháng tù cho hưởng án treo; thời gian thử thách là 01 (Một) năm, kể từ ngày tuyên án sơ thẩm (ngày 21/6/2024). Giao bị cáo **Nguyễn Thị Trường A** cho Ủy ban nhân dân thị trấn C, **huyện C**, tỉnh An Giang giám sát, giáo dục trong thời gian thử thách.

*(Trường hợp người được hưởng án treo thay đổi nơi cư trú thì thực hiện theo quy định tại khoản 3 Điều 92 của Luật thi hành án Hình sự. Trong thời gian thử thách, người được hưởng án treo cố ý vi phạm nghĩa vụ theo Luật Thi*

*hành án hình sự 02 lần trở lên, thì Tòa án có thể quyết định buộc người được hưởng án treo phải chấp hành hình phạt tù của bản án đã cho hưởng án treo).*

Căn cứ Điều 47 của Bộ luật Hình sự năm 2015; Điều 106 của Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015: Tịch thu, tiêu hủy 01 đoạn ống kim loại hình trụ, 01 đoạn gỗ hình trụ tròn (Đặc điểm tang vật như Quyết định chuyển vật chứng ngày 20/6/2024).

2. Về trách nhiệm dân sự: căn cứ Điều 48 Bộ luật hình sự năm 2015, sửa đổi, bổ sung năm 2017; các Điều 584, 585, 586 và Điều 590 Bộ luật Dân sự năm 2015;

Bị cáo **Nguyễn Thị Trường A** phải có nghĩa vụ bồi thường cho ông **Lê Trầm H** với số tiền 21.733.000 đồng (hai mươi một triệu, bảy trăm ba mươi ba nghìn đồng), bị cáo đã tự nguyện bồi thường số tiền 2.000.000 đồng (hai triệu đồng) theo biên lai thu số 0006222 ngày 05 tháng 6 năm 2024 của Chi cục Thi hành án Dân sự huyện Chợ Mới, tiếp tục tạm giữ để đảm bảo thi hành án. Bị cáo còn phải bồi thường tiếp cho ông **H** số tiền 19.733.000 đồng (mười chín triệu, bảy trăm ba mươi ba nghìn đồng).

Kể từ ngày bản án, quyết định có hiệu lực pháp luật (đối với các trường hợp cơ quan thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án) hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015, trừ trường hợp pháp luật có quy định khác.

Căn cứ Điều 136 của Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về án phí, lệ phí Tòa án: Bị cáo **Nguyễn Thị Trường A** phải chịu 200.000đ (Hai trăm nghìn đồng) án phí hình sự sơ thẩm và 1.086.650 đồng (Một triệu, không trăm tám mươi sáu nghìn, sáu trăm năm mươi đồng) án phí dân sự sơ thẩm.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 của Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 của Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 của Luật Thi hành án dân sự.

Căn cứ Điều 333 của Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015: Bị cáo, bị hại có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án../.

**Nơi nhận:**

- Tòa án nhân dân tỉnh An Giang;
- Sở Tư pháp tỉnh An Giang;
- Viện kiểm sát nhân dân tỉnh An Giang;
- Công an huyện Chợ Mới, tỉnh An Giang;
- Viện kiểm sát nhân dân huyện Chợ Mới;
- Nhà tạm giữ, Công an huyện Chợ Mới;

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM**  
**Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa**

- Chi cục Thi hành án dân sự huyện Chợ Mới;
- UBND thị trấn Chợ Mới, huyện Chợ Mới;
- Thi hành án hình sự;
- Những người tham gia tố tụng;
- Lưu: Hồ sơ vụ án, Văn phòng.

**Nguyễn Trung Kiên**